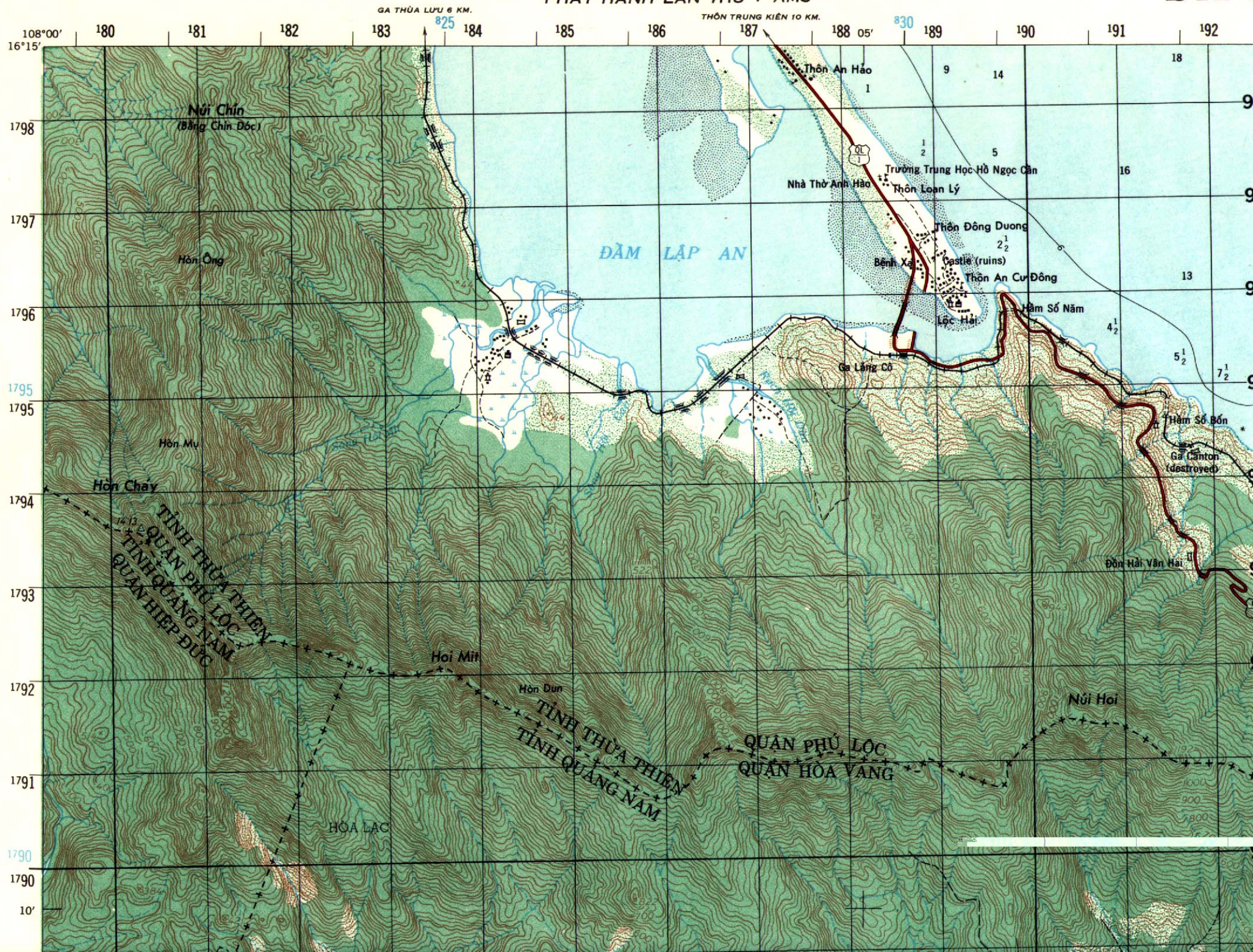






Depth curves; Soundings in meters
Vòng độ sâu; Độ sâu tính ra mét

Sunken rocks
Mỏm đá ngầm

Foreshore flat; Lighthouse
Đáy biển nông; Hải đăng

Rocks awash; Reef
Mỏm đá sát mặt nước; Giới đá

Limit of danger; Submerged reef
Giới hạn nguy hiểm; Giới đá ngầm

Wreck; Sunken; Exposed
Xác tàu; Chìm; Nổi

Sea wall or revetment
Đê chắn nước biển hay bờ đá

Wharf or pier
Cầu tàu hay dè biển

HYDROGRAPHIC DATUM

APPROXIMATE LEVEL OF LOWEST LOW WATER

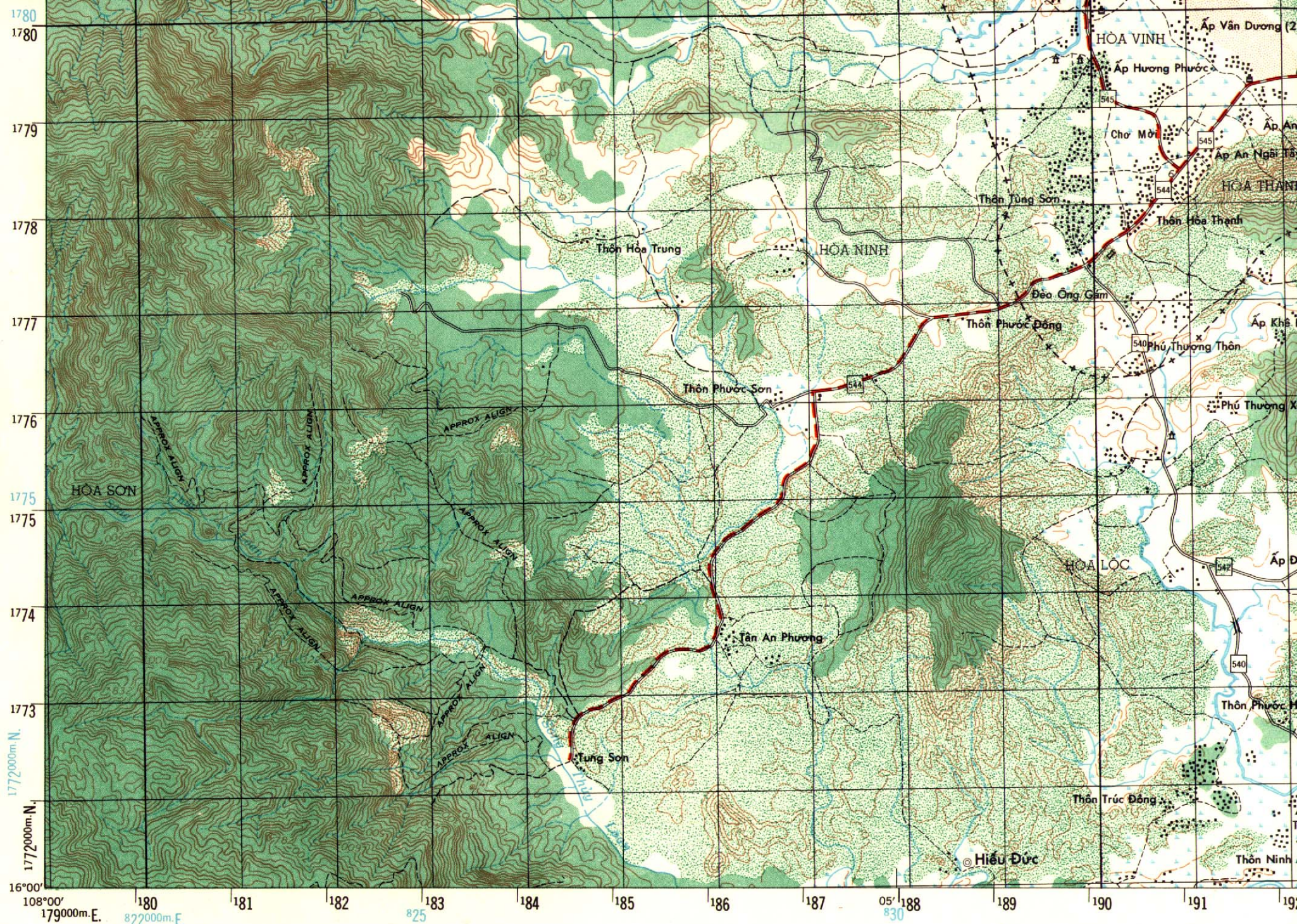
MẶT THỦY-ĐẠO CHUẨN

..... LÀ MẶT BIỂN PHÒNG CHỪNG LÚC THẤP NHẤT









PHẦN CỤC ĐỊA-DƯ DALAT ẨM-HÀNH

PRINTED BY THE NATIONAL GEOGRAPHIC SERVICE VIETNAM

Ấn hành lần thứ Nhất 12-66

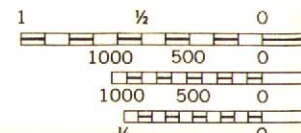
1st Printing 12-66

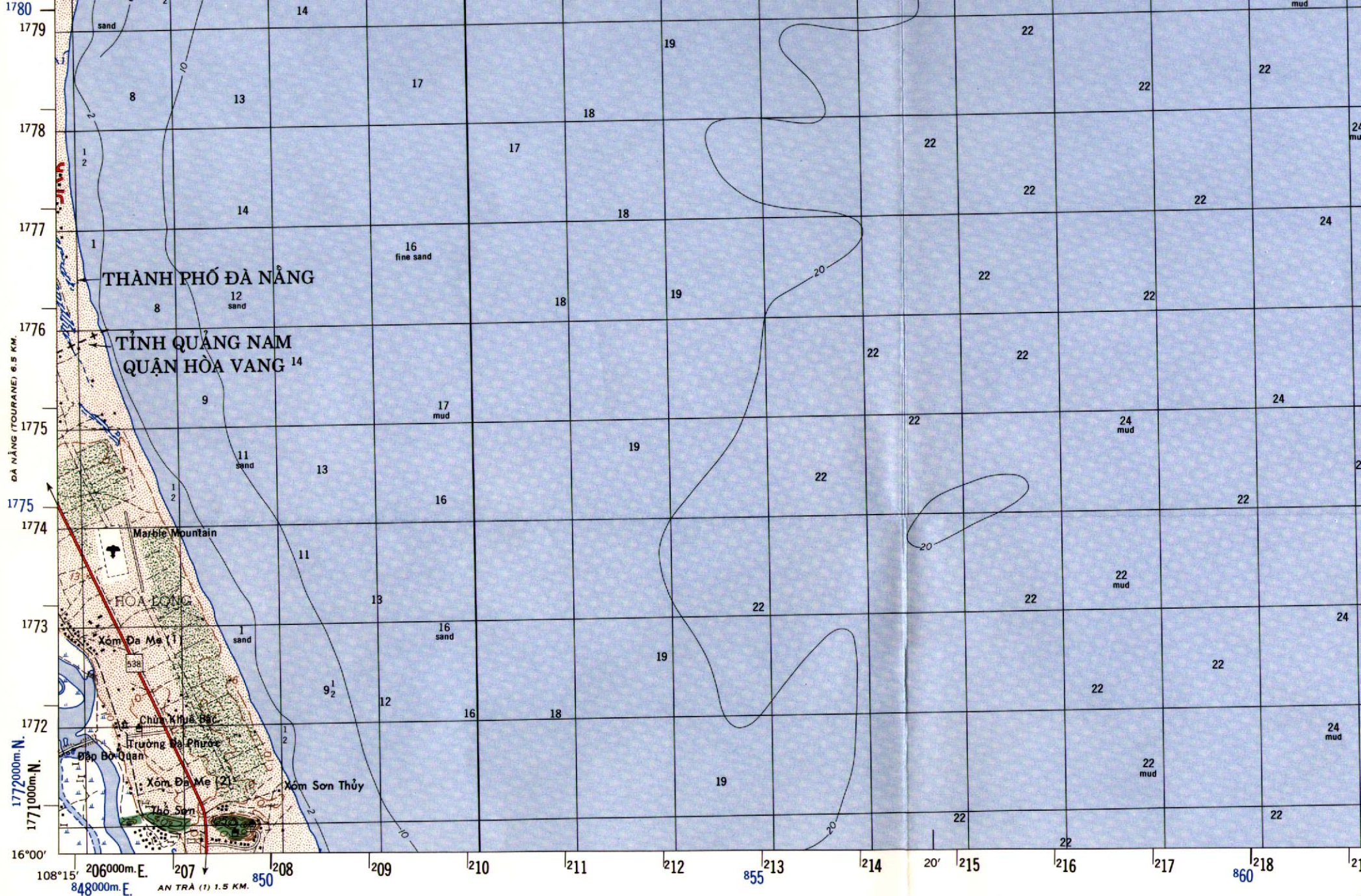
LEGEND—CHỮ-TỬ

MAP INFORMATION AS OF 1965

BẢN-ĐỒ TIN-TỨC NĂM 1965

On this map a LANE is considered as being a minimum of 2.4 m. (8 feet) in width Trên bản-đồ này một LỐI XE ĐI đã được coi như rộng ít nhất là 2,4 mét



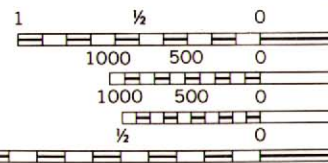


LEGEND—CHỮ-TỬ
MAP INFORMATION AS OF 1965
BẢN ĐỒ TIN-TỨC NĂM 1965

On this map a LANE is considered as being a minimum of 2.4 m. (8 feet) in width Trên bản đồ này một LỐI XE ĐI đã được coi như rộng ít nhất là 2,4 mét

Dense forest or jungle indicates more than 25 percent of ground is concealed by canopy with undergrowth generally impassable on foot. Clear forest indicates more than 25 percent of ground is concealed by canopy with undergrowth generally passable on foot. Vegetation classified by office identification from aerial photography.

Rừng rậm hay rừng già chỉ rừng cây bao phủ một đất trên 25% lập thành vòm cây kín và phía dưới rừng không thể qua lại được. Rừng thưa chỉ rừng cây bao phủ một đất trên 25% lập thành vòm cây kín và phía dưới rừng có thể qua lại được. Thảo mộc phân loại theo không ảnh



CONTOUR INTERVAL—20 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS—10 METERS

